

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2023

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Ngô Văn Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Đ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/12/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 21 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn Nguyễn Văn B trình bày:

Ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H tổ chức đám cưới năm 2010 sau đó về sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Hai ông bà chung sống với nhau được một thời gian, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời

sống chung không thể hòa hợp, hôn nhân không có tiếng nói chung, tình trạng hôn nhân ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2012, ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H không còn sống chung như vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ sống chung của ông Nguyễn Văn B với bà Lý Thị H không phải là mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Thời gian chung sống ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H có ba con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08/9/2001; Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/5/2003; Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007, hiện nay các con đang ở cùng ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu bà Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Còn hai cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08/9/2001; Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/5/2003 hiện nay đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2023, cháu Nguyễn Thanh T trình bày: Khi ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H không sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục chung sống với ông Nguyễn Văn B. Không yêu cầu bà Lý Thị H cấp dưỡng.

* Đối với bị đơn bà Lý Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà Lý Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ sống chung giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H không phải là quan hệ vợ chồng;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007 cho bà ông Nguyễn Văn B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Còn các con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08/9/2001; Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/5/2003 hiện nay đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu bà Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lý Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H không phải là quan hệ vợ chồng, bị đơn bà Lý Thị H cư trú tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Do đó căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là Không công nhận quan hệ vợ chồng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đã xác lập cuộc sống chung vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện và đã có với nhau ba người con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Xét lời thừa nhận về tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Văn B. Căn cứ Công văn số 93/UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn M; Căn cứ vào giấy khai sinh con do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Văn B về quan hệ sống chung như vợ chồng giữa bà ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật. Việc nguyên đơn và bị đơn đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục và không có giấy tờ chứng minh đã kết hôn, đồng thời cuộc sống chung của nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ quy định tại điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H có 03 người con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08/9/2001; Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/5/2003; Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007 hiện đang sống với ông B và ông B có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007. Hội đồng xét xử xét thấy nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung, để con chung được phát triển

tốt về thể chất và tinh thần, căn cứ vào nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho ông B được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Lý Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Đối với hai con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08/9/2001; Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/5/2003 hiện nay cả hai con đều đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đối với bị đơn bà Lý Thị H

1. Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị H không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn B được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Lý Thị H được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Hai con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08/9/2001; Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/5/2003 hiện nay cả hai con đều đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu bà Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005646 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết, tổng đạt bản án hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh